TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2019.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Quý Long**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Phạm Thị Tuẫn**;
2. Ông **Đinh Văn Châu**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà**NguyễnHải Loan**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Đình Phương**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 162/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn, nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST- HNGĐ ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị T, sinh năm 1983; Có mặt
Nơi ĐKHKTT: Thôn Tranh Xuyên, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ: thôn Thanh Bình, xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; Vắng mặt lần thứ 2.
Địa chỉ: thôn Tranh Xuyên, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2019, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2002 trên cơ sở hoàn toàn tự do, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N vào ngày 12/3/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, anh H thường xuyên rượu chè, chị đã tham gia góp ý nhưng anh H không nghe, thậm chí còn nói lại và cư xử không đúng mực với chị nên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi cọ nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào năm 2017. Chị không chịu đựng được đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Th, xã H, huyện H, tỉnh Hải Dương sinh sống từ giữa năm 2017. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay, không ai quan tâm gì đến ai.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anhHoàn không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được không có biện pháp nào cải thiện được nữa nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn anhHoàn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 07/8/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/9/2004. Hiện nay cả hai con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai con chung đều có nguyện vọng ở cùng với chị. Chị xác định muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn- Anh Nguyễn Văn H: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh H đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã cơ bản tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt và gửi, niêm yết các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các nguyên tắc và thủ tục tố tụng. Chị Đào Thị T chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn H chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật như vắng mặt từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Về việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong hồ sơ đã có tài liệu nào thể hiện việc Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cũng như niêm yết công khai cho bị đơn là anh Nguyễn Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T. Xử cho chị Đào Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Đào Thị T nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 07/8/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/9/2004. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị T về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh H đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; Chị Tđề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 12/3/2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi cọ nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ giữa năm 2017 hai bên đã sống ly thân.

Trong thời gian vợ chồng ly thân anh H không có biện pháp nào cải thiện mối quan hệ vợ chồng, Tòa án đã tiến hành xác minh theo đơn đề nghị của Chị Tvề mối quan hệ hôn nhân giữa Chị Tvà anh H tại UBND xã Đ, huyện N.

UBND xã Đ, huyện Ncung cấp: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Ntừ năm 2002. Sau ngày cưới vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp tính nết, không bảo ban được nhau trong cuộc sống đời thường, cũng như việc phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác anh H con thường xuyên rượu chè, đánh đập chị T, ngoài ra còn có mâu thuẫn giữa Chị Tvà gia đình nhà anh H. Hai bên sống ly thân nhau từ giữa năm 2017 đến nay mà không có biện pháp nào để cải thiện được tình trạng hôn nhân. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật (Bút lục 36- 37).

Như vậy, Chị Txin ly hôn anh H là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Bản thân anh H không có bất kỳ biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, thậm chí Chị Tkiên quyết xin ly hôn thì anh có thái độ bỏ mặc cũng như không đến tham gia tố tụng kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa ngày 13/11/2019 và phiên tòa hôm nay là anh tự tước bỏ đi quyền của mình. Căn cứ Điều 51; Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đào Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3]. Về nuôi dưỡng con chung: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn H có hai con là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 07/8/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/9/2004. Hiện tại cả hai con chung đều do Chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng.Ly hôn Chị

Tđề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của con chung để giao cho chung cho anh H hoặc chị nuôi dưỡng. Nếu con chung có nguyện vọng ở với chị thì chị nhận nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con, nếu con chung ở với anh H thì chị tôn trọng nguyện vọng của con chung.

Tòa án đã tiến hành xác minh về điều kiện nuôi con tại UBND xã Đ, huyện N:

UBND xã Đ, huyện Ncung cấp: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 07/8/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/9/2004. Nếu các bên đương sự ly hôn, do Chị Tcó công việc ổn định, còn anh H không có công việc ổn định, mặt khác còn thường xuyên rượu chè nên đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật cũng như ý kiến của các con chung để giải quyết theo quy định.(Bút lục 34- 36).

Hội đồng xét xử nên giao cả hai con chung là Nguyễn Văn Ph và Nguyễn Văn Đ cho chị Đào Thị T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph, cháu Đ muốn được ở với Chị T phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về án phí: Chị Đào Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Đào Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về quan hệ nuôi con: Giao cả hai con chung là Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 07/8/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/9/2004 cho chị Đào Thị T nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Đào Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004837, ngày 13/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/11/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện N(để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Bùi Quý Long